

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2024/DS-ST
Ngày: 25-9-2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Huệ Anh Đài
2. Bà Nguyễn Thị Minh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Uyên Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2024/QĐXXST-DS ngày 15/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2024/QĐST-DS ngày 05/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP).

Địa chỉ: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Tấn M – Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh N.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Phạm Ngọc V, sinh năm 1983- Chuyên viên Quản lý nợ, phòng Kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh N (có mặt).

Địa chỉ: Số G T, phường K, thành phố P - T, Ninh Thuận.

- Bị đơn: Ông Võ Hoàng A, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2024, quá trình tham gia tố tụng và Bản tự khai ngày 25/9/2024, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/6/2022, ông Võ Hoàng A có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) lãi suất 2.77%/tháng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Võ Hoàng A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 26.859.000 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Võ Hoàng A phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Võ Hoàng A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 9.320.500 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Võ Hoàng A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Võ Hoàng A vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 15/5/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 20.698.881 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 25/9/2024, ông Võ Hoàng A còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao kê tóm tắt đính kèm): Số tiền gốc: 20.698.881 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 14.686.424 đồng. Tổng cộng: 35.385.305 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm linh năm đồng*).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc với ông Võ Hoàng A, yêu cầu ông có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông A vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện ông Võ Hoàng A, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Võ Hoàng A phải trả cho Ngân hàng TMCP S với tổng số tiền tính đến ngày 25/9/2024 là 35.385.305 đồng (*Ba mươi lăm triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm linh năm đồng*), trong đó: Số tiền gốc là: 20.698.881 đồng, số tiền lãi quá hạn là: 14.686.424 đồng và phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đối với bị đơn ông Võ Hoàng A: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông A không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các thông báo tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là thực hiện đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc ông Võ Hoàng A phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 25/9/2024 là 35.385.305 đồng (*Ba mươi lăm triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm linh năm đồng*), trong đó: Số tiền gốc là: 20.698.881 đồng, số tiền lãi quá hạn là: 14.686.424

đồng và phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Hoàng A phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú ở phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của bị đơn:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông A nhưng ông A không đến tham gia tố tụng mặc dù đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay, ông A vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ các chứng cứ, tài liệu và lời khai nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Ngày 21/6/2022, ông Võ Hoàng A có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng 01 thẻ tín dụng, bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S. Căn cứ thu nhập của ông A, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng, ông Võ Hoàng A đã được Ngân hàng cấp 01 thẻ tín dụng và nhận đủ số tiền hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng. Như vậy, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng và ông Võ Hoàng A được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức của Hợp đồng đúng quy định của pháp luật nên xác định là Hợp đồng hợp pháp.

[2.2] Theo các tài liệu, chứng cứ Ngân hàng cung cấp thì từ ngày kích hoạt thẻ; ông A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 26.859.000 đồng và ông A đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 9.320.500 đồng. Sau đó ông A không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng nữa mặc dù đã được Ngân hàng Đ, nhắc nhở nhiều lần.

[2.3] Như vậy, có cơ sở khẳng định ông Võ Hoàng A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, đã vi phạm Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông A là người có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh

từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về lãi suất: Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 2.77%/tháng; lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của bản Điều khoản). Mức lãi suất này được quy định cụ thể tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản của Ngân hàng. Ngân hàng đã niêm yết công khai mức lãi suất tại thời điểm cho vay đối với hình thức sử dụng thẻ tín dụng; ông A đã biết và thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng trong các lần thực hiện giao dịch rút tiền mà không có ý kiến hay khiếu nại gì, điều đó chứng minh ông A đồng ý mức lãi suất này.

[2.5] Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Võ Hoàng A vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng) nên ngày 15/5/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và đã chuyển toàn bộ dư nợ của thẻ tại thời điểm này là 20.698.881 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là đúng theo quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng, phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Về các loại phí liên quan đến thẻ: Các bên đã thỏa thuận về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ tại Điều 2 của bản Điều khoản, ông A phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của bản Điều khoản; chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Căn cứ các biểu phí đã được Ngân hàng niêm yết công khai tại thời điểm ký hợp đồng, đã được thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông A là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng, phù hợp với khoản 1 Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng của Ngân hàng N1 nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[2.7] Từ các phân tích như trên, thấy rằng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Hoàng A trả tổng số tiền tính đến ngày 25/9/2024 là 35.385.305 đồng (*Ba mươi lăm triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm linh năm đồng*), trong đó: Số tiền gốc là: 20.698.881 đồng, số tiền lãi quá hạn là: 14.686.424 phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S); phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Đối với yêu cầu: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông A còn phải tiếp tục chịu lãi suất của số tiền nợ gốc phát sinh từ ngày 26/9/2024 theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng của Ngân hàng. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng

nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông A nhưng ông A không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng xuất trình nên có cơ sở khẳng định ông A đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông Võ Hoàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;
- Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

1. Buộc ông Võ Hoàng A phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 25/9/2024 là 35.385.305 đồng (*Ba mươi lăm triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm linh năm đồng*), trong đó: Số tiền gốc là: 20.698.881 đồng, số tiền lãi quá hạn là: 14.686.424.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2024), ông Võ Hoàng A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S) ngày 21/6/2022 đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thanh toán cho đến khi ông Võ Hoàng A thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí:

3.1. Ông Võ Hoàng A phải chịu 1.769.265 đồng (*Một triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 764.062 đồng (*Bảy trăm sáu mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi hai đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002644 ngày 04/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Các đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Tuấn